

“Vâng! Chúng Tôi Hãnh Diện Đã Có Một Cấp Chỉ Huy Như Thế!”

Phạm Tín An Ninh

(Viết để tưởng niệm Đại Tá Nguyễn Bá Thịnh)

Sau Tết Mậu Thân, khi vừa đánh thắng nhiều trận lớn, giải tỏa thành phố Phan Thiết trong vòng vây và tiêu diệt toàn bộ đám Cộng quân xâm nhập, đơn vị tôi đón mừng một vị trung đoàn trưởng mới. Ông được Đại Tá Trương Quang Ân, Tư Lệnh Sư Đoàn xin bổ nhiệm và đích thân đưa đến bàn doanh của Trung Đoàn tại Sông Mao, để bàn giao với vị tiền nhiệm. Ông đến nhậm chức với duy nhất một cái “xắc ma- ranh” vắt trên vai, trông giống như anh chàng tân binh vừa lãnh quân trang ở một quân trường nào đó.



Đại Tá Nguyễn Bá Thịnh

Buổi lễ bàn giao đơn giản nhưng rất trang nghiêm, dưới sự chủ tọa của vị Tư Lệnh Sư Đoàn. Sau khi tiễn đưa ông cựu trung đoàn trưởng theo ông Tư Lệnh lên trực thăng bay đi,

tất cả được lệnh “thao diễn nghi” để nghe vị tân Trung Đoàn Trưởng ban chỉ thị:

Điều trước tiên mọi người lưu ý là ông rất nhỏ con, nhưng đôi mắt sáng quắc, có nhiều uy lực, tướng đi nhanh nhẹn. Tóc cắt ngắn ba phân, để lộ từ trên đầu sau vành tai bên trái một vết sẹo lằng bóng làm tăng thêm cái uy dũng của một người từng dạn dày trận mạc.

Sau khi được vị trung đoàn phó trình diện hàng quân, ông đi quanh một vòng bắt tay các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy trung đoàn và các đơn vị trưởng. Ông đi đứng, bẻ góc, dậm chân, đằng sau quay, và chào hỏi rất đúng quân cách. Bọn tôi không mấy ngạc nhiên vì đã được biết, trước khi thuyền chuyển về đây, ông từng là Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn SVSQ của Trường Võ Bị QGVN, một quân trường nổi tiếng tại Vùng Đông Nam Á. Nhưng ngay sau đó ông lại làm chúng tôi ngạc nhiên với câu hỏi đầu tiên của ông:

- Các anh có biết tôi đi lính từ cấp bậc gì không?
- Thiếu úy! Một sĩ quan lên tiếng.
- Sai!
- Trung sĩ! Một sĩ quan khác trả lời
- Cũng sai!
- Bình nhì. Một anh tiểu đoàn trưởng, tốt nghiệp từ Trường Võ Bị, tỏ ra biết ít nhiều về ông.

Nhưng rồi tất cả, từ quan tới lính, đều ngơ ngác khi nghe ông bảo:

- Cũng chưa đúng!

Im lặng một lúc, để gọi thêm sự tò mò, ông lên giọng nói lớn:

- Bình ba!

Rồi tự giải thích:

- Đúng như thế! Binh nghiệp của tôi đi lên từ cấp “binh ba”. Vì khi vào lính nhảy dù, tôi chưa được cho đi đánh nhau mà phải làm hỏa đầu quân, tức là thằng nấu bếp, rồi sau đó làm “ô đờ” cho ông Đại Đội Trưởng Đỗ Cao Trí.

Giải thích xong, ông ngẩng mặt lên và cao giọng:

- Tất cả các anh nên hãnh diện là đang có một cấp chỉ huy như thế!

Phải công tâm mà nói, từ khi ông về chỉ huy, Trung Đoàn đã thay đổi khá nhiều, từ cách tổ chức, sinh hoạt tới chiến thuật phòng thủ, hành quân. Nhưng song song với việc tạo cho đơn vị một khí thế mới để vươn lên, trở thành đơn vị ưu tú với nhiều chiến công hiển hách, ông cũng đã để lại rất nhiều giai thoại, mà đến hôm nay, mỗi lần anh em cùng đơn vị xưa có dịp gặp nhau luôn nhắc tới. Ngày xưa, đó chỉ là những mẫu chuyện vui để cùng cười, nhưng bây giờ tất cả trở thành những kỷ niệm mang theo nhiều cảm xúc.

Trước tiên phải công nhận là ông rất liêm khiết, công minh. Ngay cả cái xe jeep của ông cũng đích thân ông ký giấy nhận xăng, và mỗi khi xong công việc, tài xế đưa ông về trước tư thất rồi quay lại đậu trước văn phòng. Vợ con ông không được phép ngồi trên xe, chứ đừng nói đến việc sử dụng. Ông không hề dùng một người lính nào cho gia đình hay trong công việc riêng.

Trong đơn vị có anh Hoàng Văn An, sau khi tốt nghiệp Khóa 20 VB cũng được bổ sung về Trung Đoàn. Anh An là em (thúc bá) của vợ ông. Khi anh An còn là SVSQ thì ông đang là Liên Đoàn Trưởng LĐ/ SVSQ. Một lần đi phép về trễ một ngày, anh An bị ông gọi lên văn phòng bảo:

- “Nếu là SVSQ khác tôi tha, nhưng vì chú là em nên tôi phạt chú 7 ngày trọng cấm!” (Sau này anh An cho biết đó là 7 ngày trọng cấm duy nhất trong hồ sơ quân bạ của anh.)

Với các sĩ quan già, ông xưng hô “ông, tôi”, nhưng với mấy thằng sĩ quan trẻ như bọn tôi, ông chỉ gọi “mày” hoặc “chú

mày” và xưng “tao” như em út trong nhà. Sau một cuộc hành quân, ông thường mời tất cả sĩ quan thuộc BCH Trung Đoàn và các đơn vị đóng chung quanh, dùng cơm với ông. Điều đặc biệt là đích thân ông đi chợ, lựa và mua cá, mua rau. Món ông thích nhất là cá rô chiên. Được ông mời ăn cơm phải nói là một cực hình. Nhưng không ai có thể vắng mặt bởi ông sẽ điếm danh. Nói là mời nhưng phải xem đó là lệnh. Trong bữa ăn ông thường luận về các món ăn dân giả và cách nấu nướng. Có một lần anh đầu bếp không hiểu ý của ông, đánh vảy, chặt vi mấy con cá rô, chiên vàng xong mang bày lên bàn, bay mùi thơm phức, nhưng rồi bọn tôi bất ngờ tròn mắt, khi ông ném cả đĩa cá vào sọt rác và la cho một trận! Ông bảo, con cá rô mà mắt vảy và cái vi thì còn ăn cái gì?

Lâu lâu ông cũng mời một số sĩ quan tham mưu cũng như các tiểu đoàn trưởng đến tư thất của ông dùng cơm. (Tư thất là một villa khá đẹp nằm trong doanh trại do Sư Đoàn 5 của Đại Tá Wòng A Sáng để lại). Các bữa cơm do chính tay vợ chồng ông nấu nướng. Điều làm chúng tôi ái ngại nhất, là phu nhân của ông không được ngồi chung mà là người hầu bàn. Hầu bàn chính hiệu chứ không phải làm cảnh. Bà đứng sau lưng, rót nước, xới cơm vào bát và đưa cả từng tấm giấy lau miệng cho “thực khách”. Bà là một người đàn bà có nhan sắc, phúc hậu và là một “phu nhân” hiếm hoi mà tôi đã gặp trong cuộc đời binh nghiệp. Bà không hề biết (và có lẽ không được quyền biết) bất cứ điều gì của đơn vị. Cả đám sĩ quan bọn tôi ngồi trong bàn ăn, bà không biết cả tên và ai đang giữ chức vụ gì. Chúng tôi rất nể phục bà, nhưng cũng thấy tội nghiệp cho bà. Lúc ấy tôi thâm nghĩ, giá mà vị “phu nhân” nào cũng như bà thì quân đội và đất nước mình có lẽ đã khá hơn.

Trong bữa ăn, ông cũng thường kể về cuộc đời và binh nghiệp của mình, đôi lúc có chút xúc động nhưng luôn với niềm hãnh diện:

- Các anh biết tại sao tôi nhỏ con như vậy mà được đi lính nhảy dù không?

- Có lẽ trung tá nhanh nhẹn và gan dạ! Một sĩ quan trả lời.

Ông cười, xuống giọng:

- Gan dạ cái con khi! Quê tôi ở tận Hòa Bình, ngoài Bắc. Lúc nhỏ nhà nghèo. Sau khi học hết bậc tiểu học, tôi phải tạm ở nhà phụ bố ra đồng. Một hôm, lúc trời chạng vạng tối, lửa trâu về chuồng, phải qua một con sông khá lớn. Khi ngồi trên mình một con trâu để nó bơi, tôi bất ngờ thấy một đám người lồ lộ ẩn núp dưới mây lùm cây bên bờ sông. Họ có cả súng. Tôi biết là đám Việt Minh, nên giả vờ la hét đàn trâu, như không nhìn thấy gì. Khi qua sông, tôi tìm đến cái đồn lính nhảy dù đóng bên kia, nói tiếng Tây với thằng lính gác, đòi gặp ông đồn trưởng.

Tôi báo cho ông biết là bên kia sông có rất nhiều lính Việt Minh, có lẽ họ chuẩn bị tấn công đồn lính nhảy dù của ông đêm nay. Tôi được ông quan ba trưởng đồn thưởng cho mấy thùng bánh biscuit và hỏi con cái ai, nhà cửa ở đâu. Tối hôm đó, tôi nghe tiếng pháo dội xuống bên kia sông. Sáng hôm sau nghe tin một số lớn lính Việt Minh bị chết, số còn lại bị quân nhảy dù vây bắt. Sau chiến thắng lớn này, tôi được ông quan ba đồn trưởng cho người gọi vào và bảo ông muốn thưởng công cho tôi, hỏi tôi thích cái gì ông sẽ cho. Tôi bảo, tôi chỉ muốn đi lính Nhảy Dù. Vậy mà ông gật đầu ngay.

Thế là tôi trở thành thằng lính Nhảy Dù! Sau đó, tôi được bổ sung về đại đội do một sĩ quan Việt Nam làm đại đội trưởng. Đó là Trung Úy Đỗ Cao Trí. Thấy tôi nhóc con, nên ông đại đội trưởng cho tôi vào toán đầu bếp, và sau đó lấy tôi theo làm “ô dô” cho ông. Trong một lần bị phục kích, địch tràn cả vào ban chỉ huy đại đội, tôi xông vào đánh cận chiến, giết chết mấy thằng, giải vây cho ông. Tôi được lên hạ sĩ và trở thành “gạc đờ co” của ông. Khi lên đại úy đi làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 19 Việt Nam (tiền thân của Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù), ông dắt tôi theo làm tiểu đội trưởng thám báo, đánh bao nhiêu trận ngon ơ, được lên hạ sĩ nhất, rồi trung sĩ. Sau này chính

ông giới thiệu, để tôi được nhận vào Khóa 9 Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.

Giống như Tướng Đỗ Cao Trí, ông rất lưu tâm tới hàng hạ sĩ quan (từ cấp bậc hạ sĩ). Ông gần gũi, chăm lo đời sống và thỉnh thoảng tập trung họ lại để nói chuyện, tâm tình, trao đổi kinh nghiệm chiến trường và việc chỉ huy tiểu đội. Ông thường bảo chúng tôi:

- Bọn mày phải nâng đỡ đám hạ sĩ quan này, nhưng cũng phải để ý học hỏi kinh nghiệm của họ. Chính cấp tiểu đội, trung đội mới quyết định chiến trường!

Ông nói tiếng Anh giọng Bắc, không giỏi lắm, bắt chắp cả văn phạm, nhưng các cố vấn Mỹ đều hiểu và nể ông ra mặt. Gặp ông là tất cả đứng nghiêm chào. Ông bảo gì họ cũng nghe. Có lần ông nói thẳng với mấy tay cố vấn Mỹ:

- Các anh đến đây là để giúp chúng tôi những gì chúng tôi cần, còn chuyện đánh nhau là chuyện của chúng tôi. Các anh đừng xía vào. Đánh bọn du kích VC mà đánh theo kiểu Mỹ của các anh là hỏng!

Ông ra lệnh tất cả sĩ quan phải nói được tiếng Anh. Không biết phải học. Nói sao cho Mỹ nó hiểu là được. Nhờ vậy mà anh Cố Vấn Trưởng nghe theo đề nghị của ông, tổ chức ngay một số lớp dạy Anh văn cho tất cả các sĩ quan, đặc biệt về phương pháp đàm thoại và cách liên lạc, hướng dẫn các phi công oanh tạc cơ của Hoa Kỳ.

Bản doanh Sông Mao nằm giữa Phan Rang và Phan Thiết, nhưng đường bộ mất an ninh. Ông muốn mỗi tuần phải có hai chuyến Chinook để chở lính đi phép và cho gia đình binh sĩ được ra phố mua sắm, học hành. Vậy mà chỉ mấy ngày sau là anh Cố Vấn Trưởng lo xong.

Không biết vì sao Tướng Peers, Tư Lệnh Các Lực Lượng Quân Sự Mỹ tại Cam Ranh, biết thành tích đánh giặc và cả sự liêm khiết của ông, nên lâu lâu ghé lại Trung Đoàn thăm và hàn huyên với ông. Tướng Peers thường đưa ngón tay cái lên

nói đùa với bọn tôi:

- Các anh có một ông “boss” rất tuyệt vời!

Đầu năm 1969, trong kế hoạch “tự lực tự cường”, Bộ Tổng Tham Mưu ban hành chỉ thị, mỗi đơn vị phải thành lập một trại chăn nuôi. Trung Đoàn có một trại chăn nuôi khá lớn, do một vị thiếu úy lớn tuổi (thăng tiến từ cấp binh sĩ) trông coi với hơn 20 lao công đào binh. Trại chăn nuôi thống thuộc Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ.

Một hôm cả BCH Trung Đoàn và các sĩ quan từ cấp đại đội trưởng trở lên, được Ông Tỉnh Trưởng Bình Thuận mời khoản đãi vì Trung Đoàn vừa phối hợp với Tiểu Khu trong một chiến dịch bình định, đánh tan các đơn vị Cộng quân hoạt động trong phạm vi của tỉnh. Tất cả tập trung tại Căn cứ Trinh Tường (Trung Đoàn dùng làm hậu trạm) để đi đến tòa tỉnh. Trên đường đi, ông bất ngờ thấy bên vệ đường có một người đang thả heo giống. Ông ra lệnh dừng lại, xuống xe và đứng xem. Bọn tôi rất ngỡ ngàng còn ông thì cứ tỉnh bơ quan sát. Cuối cùng ông khen con heo (đực) tốt và ra lệnh cho anh trung úy đại đội trưởng Chỉ Huy Công Vụ thương lượng với người chủ để mượn.

Sau buổi tiệc ông dùng trực thăng cho anh đại đội trưởng chở con heo và người chủ bay về hậu cứ Sông Mao để gây giống cho trại heo. Chúng tôi có một trận cười đến nôn ruột, và thấy tội nghiệp cho anh đại đội trưởng rất “mô phạm” vì là một giáo sư trung học bị động viên vào Khóa 16 Thủ Đức. Nhưng sau này trại heo đã thu nhiều lợi nhuận vì sản sinh rất nhiều heo con béo tốt. Trại được chọn là trại chăn nuôi “kiểu mẫu” của Quân Đoàn II & Quân Khu 2, chúng tôi càng kính phục ông hơn.

Vào khoảng giữa năm 1969, Ban Truyền Tin nhận một cuộc điện thoại (qua hệ thống siêu tần số) trực tiếp từ văn phòng Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, lệnh cho Trung Đoàn, cho xe ra sân bay Sông Mao để đón một vị trung

tá, thuyền chuyên đặt thuộc quyền xử dụng của Trung Đoàn. Thấy một việc bất thường, ông Trung Đoàn Trưởng gọi lại, thì được văn phòng Tổng Tham Mưu Trưởng cho biết:

- “Đó là Trung tá Đào Văn Hùng, Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù. Ông uống rượu ngà ngà say, đến tìm Đại Tướng để phản đối về việc xử dụng Nhảy Dù của ông không đúng chỗ. Ông khá thân thiết và được Đại Tướng Viên trọng nể khi còn ở Nhảy Dù. Thấy ông say và lớn tiếng, Đại Tướng bỏ đi ra ngoài, ông Trung Tá Nhảy Dù (có lẽ do say quá) la hét một chặp rồi cởi



Trung Tá Đào Văn Hùng

bộ đồ nhảy dù vắt trên bàn bảo trả lại cho Đại Tướng. Đại Tướng giận quá, ra lệnh dùng máy bay riêng của Đại Tướng và cho hai Quân Cảnh “áp tải” ông thẳng ra Sông Mao giao cho Trung Đoàn. Lệnh bổ nhiệm sẽ do Phòng Tổng Quản Trị gọi đến sau. Máy bay đã cất cánh hơn nửa tiếng rồi.”

Ông Trung Đoàn Trưởng vội vàng ra lệnh cho các sĩ quan thuộc Bộ Chỉ Huy tháp tùng ông ra phi trường chào đón Trung Tá Hùng, ông cũng cho gọi cả anh lính kèn đi theo. Khi máy bay đáp xuống, Ông và tất cả sĩ quan đứng thành một hàng dọc, đích thân ông chỉ huy dàn chào, có cả kèn thổi “nghênh đón thượng cấp”. Điều đặc biệt làm chúng tôi ngạc nhiên hơn là ông đứng nghiêm trình diện Trung Tá Hùng, với cả cấp bậc, số quân, như một tân binh hay một SVSQ trong quân trường:

- Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, số quân 48/300340 trình diện Trung Tá!

Vẫn trong thế đứng nghiêm, ông mời Trung Tá Hùng lên xe ông, còn ông thì đi chung xe với chúng tôi về doanh trại. (Tôi chưa thấy ông lái xe bao giờ.) Đến nơi, ông hướng dẫn

Trung Tá Hùng lên nghỉ ngơi uống nước tại văn phòng Trung Đoàn Trưởng. Ra lệnh cho anh Đại Đội Trưởng Chỉ Huy Công Vụ sang tư thất của ông, cùng ông đích thân dọn dẹp và dành căn phòng của vợ chồng ông cho Trung Tá Hùng. Ông bà dọn sang phòng nhỏ phía sau. Nhưng khi ông sang mời Trung Tá Hùng về tư thất, thì Trung tá Hùng quyết liệt từ chối, bảo ông chỉ xin một cái ghế bố và sẽ ở trong Trung Tâm Hành Quân. (Trung Đoàn có một TTHQ khá lớn và kiên cố).

Bọn tôi bàn tán với nhau, không ai hiểu cung cách đối xử kỳ lạ của hai ông trung tá. Ông Trung Đoàn Trưởng thì lại đứng nghiêm đưa tay chào từ xa, mỗi lần gặp ông Trung Tá vừa thuyên chuyển tới đặt dưới quyền chỉ huy của mình. Ngược lại ông Trung Tá Nhảy Dù cũng một điều kính thưa, hai điều kính thưa ông Trung Tá Trung Đoàn Trưởng.

Đến chiều, Trung Tá Thịnh ra lệnh cho anh Đại Đội Trưởng Chỉ Huy Công Vụ đích thân sang tư thất của ông mang com chiều sang cho Trung Tá Hùng. Lúc ấy ông gọi chúng tôi lại để dặn dò:

- Các chú mày phải lễ phép và lo lắng thật chu đáo cho Trung Tá Hùng. Ông là ông Thầy của tao. Ngày trước khi ông là đại đội trưởng Nhảy Dù, thì tao là thằng hạ sĩ 1 mang máy và làm tiểu đội trưởng cho ông. Ông đánh giặc khỏi chê, nổi tiếng từ thời Pháp cho đến bây giờ. Mấy thằng Tây, kể cả sĩ quan, mà lời thôi là bị ông chửi như tát nước vào mặt. Khi Đại Tướng Cao Văn Viên còn trung tá, làm Lữ Đoàn Trưởng Nhảy Dù thì ông Hùng đã là một tiểu đoàn trưởng xuất sắc mà ông Viên rất nể nang.

Ông không giao cho Trung Tá Hùng bất cứ công việc gì. Nhiều lần Trung Tá Hùng yêu cầu phải giao cho ông một công việc, bất cứ việc gì cũng được. Nhưng ông Trung Đoàn Trưởng lại đứng nghiêm:

- Xin Trung Tá làm cố vấn cho tôi.

Trung Tá Hùng lại dậm chân, than phiền:

- Tớ đi lính là để đánh giặc chứ đêch biết làm cô vắn cổ véo gì sắc! Trung Tá quên tớ là thằng “Cai Hùng” Nhảy Dù à?

Ông Trung Đoàn Trưởng lại đứng nghiêm:

- Thôi, xin Trung Tá thấy thích làm cái gì thì làm!

Cuối cùng Trung Tá Hùng nhận một công việc không có trong bản cấp số: Sĩ quan thường trực tại Trung Tâm Hành Quân. Ăn ngủ tại chỗ. Có mặt 24/24!

Kể từ hôm ấy, Trung Tá Thịnh cũng cho kê một cái ghế bố trong TTHQ để ngủ với Trung Tá Hùng.

Một hôm, vào khoảng 2 giờ sáng, Việt Cộng pháo kích vào BCH Trung Đoàn. Nhờ có máy nhắm hồng ngoại tuyến mới được trang bị, một vọng gác phát hiện đặc công xâm nhập vào doanh trại. Ông giao việc điều động cho Trung Tá Hùng, rồi đích thân chỉ huy hai toán Viễn Thám đi lùng, giết hơn 20 tên đặc công bằng lựu đạn và bắt sống 3 tên khác, đang tìm cách chui qua hàng rào phòng thủ. Trung Tá Hùng thì leo lên nóc TTHQ lắng nghe tiếng “depart” để xác định vị trí súng cối địch, cho Pháo Binh phản pháo chính xác, sau đó 2 chiếc cobra do cô vắn Mỹ điều động kịp thời đến mục tiêu xạ kích. Đại Đội Trinh Sát được lệnh truy kích, thu được 2 súng cối 82 ly, 2 ống phóng hỏa tiễn và một số súng cá nhân, hơn 15 xác địch còn bỏ lại trận địa. Trận phản công chớp nhoáng và chính xác với thắng lợi hoàn toàn, bên ta vô sự. Đúng là chiến công của hai ông trung tá gốc Nhảy Dù!

Những lúc tâm tình với chúng tôi, Trung Tá Hùng cũng đã hết lời ngợi ca Trung Tá Thịnh. Ông thường bảo:

- Ông Trung Đoàn Trưởng là một tay đánh giặc rất “lì” và chỉ huy rất “chì” trong binh chủng Nhảy Dù. Trong cấp tá, ông là người có nhiều huy chương nhất, chỉ sau ông Sơn Thương. Hình như trên 20 cái nhánh dương liễu, sao vàng sao bạc đếm không hết, còn chiến thương bội tinh thì cũng hơn 10 cái!

Rồi ông đùa:

- Bao nhiêu lần đã tưởng ông đi đứt, nhưng có lẽ nhờ nhỏ con quá nên đạn bắn không trúng!

Khoảng hai tháng sau, chiếc máy bay riêng của Đại Tướng Cao Văn Viên bay trở lại Sông Mao. Lần này thay vì hai anh Quân Cảnh, thì chở theo hai sĩ quan Nhảy Dù để đón Trung Tá Đào Văn Hùng về lại Sư Đoàn Dù. Nhưng chỉ sau đó một thời gian, (chính Trung Tá Thịnh cho biết), ông bị ra khỏi binh chủng, về một đơn vị Bộ Binh, rồi bị tai nạn xe hơi nên mù mắt và ngã bệnh đến gần như mất trí nhớ.

Sau này, bọn tôi được biết Trung tá Đào Văn Hùng cũng là một người rất đặc biệt đã tạo nhiều giai thoại trong binh chủng Nhảy Dù. Ông là sĩ quan lớn tuổi và rất thâm niên trong Nhảy Dù, thường thích nhận mình là “Cai Hùng”, như niềm hãnh diện về một thời trai trẻ khi còn là một anh hạ sĩ trong lực lượng nhảy dù Pháp, và người ta đặt thêm cho ông cái tên “Hùng Gà” vì ông rất mê đá gà. Những năm giữa thập niên 1960, ông đã từng là Lữ Đoàn Trưởng có tiếng của Nhảy Dù.

Thời Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh làm trung đoàn trưởng, Tướng Trương Quang Ân là Tư Lệnh Sư Đoàn. Có lẽ vừa là niên đệ từ trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt lại vừa là đàn em trong binh chủng Nhảy Dù, nên ông rất kính nể và luôn đề cao Tướng Ân. Ngày 8.9.1968, khi Tướng Ân bị hy sinh cùng phu nhân trong một tai nạn phi cơ ở Đức Lập, BCH Trung Đoàn đang đóng ở Cà Ná, chỉ huy cuộc hành quân trong vùng ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận- Bình Thuận. Khi nghe tin, Trung Tá Thịnh bật khóc và than thở tiếc nuối một vị tướng tài – chuyện rất hiếm hoi đối với một mẫu người cứng cỏi như ông. Thấy vậy, tôi an ủi:

- Thôi, trung tá đừng buồn tiếc nữa. Một con én đâu có làm được một mùa Xuân!

Ông trợn mắt, nhìn tôi, quát:

- Màý ngu thế! Ít ra trong mùa Xuân cũng còn có được một con én chứ!

Cả bọn chúng tôi bụm miệng cười. Lần đầu tiên nghe ông nói một câu văn hoa như thế!

Nhờ mắng tôi, nên ông hét khóc. Ông rủ tôi và anh trung tá cố vấn Mỹ, gọi mấy chú lính hộ tống, theo ông ra bờ biển phía trước, bên một ghềnh đá, mà ông bảo là vô số cá đang tập trung trú ẩn ở đó. Anh cố vấn Mỹ không tin và hỏi xin ông cho đích thân anh ném thử một trái lựu đạn. Ông lưỡng lự rồi gật đầu. Có lẽ đây là một quyết định ngoại lệ so với bản tính nghiêm khắc cố hữu của ông. Và quả đúng như ông nói, đám lính và cả anh trung tá Mỹ lặn xuống bắt cả mấy trăm ký cá mang về. Sau khi chia cho các tiểu đoàn, ông đích thân chỉ huy làm mấy món cá đãi cả BCH Trung Đoàn, Toán Cố Vấn Mỹ và Đại Đội Trinh Sát.

Sau ngày Tướng Trương Quang Ân mất, ông tỏ ra chán nản. Ông được Tướng Đỗ Cao Trí kéo về Quân Đoàn III/ Vùng 3 Chiến Thuật và dự định đề cử giữ chức tỉnh trưởng nào đó. Ông cho bọn tôi biết rồi bảo:

- Tớ có nhiều chữ nghĩa gì đâu mà làm quận với tỉnh. Đi lính là để đánh giặc. Trường Võ Bị có dạy ai đi làm tỉnh trưởng đâu. Tớ vẫn thích nắm trung đoàn.

Hôm rời Trung Đoàn, ông cũng chỉ vác theo một cái “xác ma-ranh” như hồi ông đến. Tất cả chúng tôi thật cảm động và tiếc nuối khi phải chia tay ông. Một cấp chỉ huy thanh liêm, bình dân, gan dạ. Khi bắt tay tôi, ông khen “chú mày khá lắm” và rom róm nước mắt. Trước đây, không ai nghĩ một người cứng rắn, đánh thép như ông lại giàu tình cảm với đàn em, thuộc cấp mà ông đã giấu kỹ trong lòng.

Sau đó, ông về làm Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 52, thuộc Sư Đoàn 18BB. Không biết ở đơn vị mới này ông có thay đổi ít nhiều gì không. Tôi chỉ còn nhớ, có lần báo Sóng Thần “đánh” Tướng Trí về một vụ gì đó. Ông lên tiếng hét mình bệnh vực và ca ngợi Tướng Trí, bị báo chí mỉa mai gọi ông là “Chuẩn Đại Tá”. Ông chửi thẳng thừng:

- Đám báo chí này bỏ láo! Chẳng biết tí gì về Tướng Trí, chỉ giỏi nằm nhà khoác lác! Với Tướng Trí thì đừng có giỡn mặt!

Mới biết ông, ai cũng nhìn thấy ở ông sự cứng cỏi, nghiêm khắc, nhưng khi đã thân tình mới biết là ông cũng rất vui, thích đùa cợt. Có lần anh Hoàng Văn An (Khóa 20VB) kể lại:

- Năm 1970, An đang làm việc tại Sài Gòn, được Trung Tá Thịnh cho vợ chồng anh được xử dụng căn cư xá của ông nằm trong Trại Đào Bá Phước, vì đơn vị của anh trú đóng gần nơi này. Một hôm Trung Tá Thịnh đến thăm và rủ An đến thăm Tướng Đỗ Cao Trí và ông cụ Đỗ Cao Lụa, thân phụ của Tướng Trí. Ông cụ quý mến Trung Tá Thịnh như là em út trong nhà.

Trên đường đi, Trung Tá Thịnh cười, bảo anh An:

- Hôm nay chú mày sẽ được Tướng Trí rót rượu mời đấy!

Biết tính ông anh rể của mình ưa đùa, anh An chỉ cười. Khi bước vào nhà Tướng Trí, chỉ có Cụ Lụa đón chào vui vẻ. Nói chuyện một chặp, Tướng Trí về với đầy đủ quân phục và cấp bậc 3 sao trên cổ áo. Tướng Trí vừa chào ông cụ và hai người khách, ông cụ bảo:

- Trí! Mày đi rót mấy ly rượu mang đến đây.

Tướng Trí là một đứa con chí hiếu và lễ phép. Rót 3 ly rượu whisky mang đến mời ông cụ cùng cả Trung Tá Thịnh và anh An. An mặc thường phục và được Trung Tá Thịnh giới thiệu là em vợ. Anh An bắt tay Tướng Trí mà thấy “run” trong lòng.

Trên đường về, ông bảo An:

- Chú mày thấy tao nói có đúng không? Quan ba mà được Tướng Trí bung rượu mời, sướng nhé!

Một lần, nhân dịp anh cố vấn trưởng bay vào Sài Gòn họp, chúng tôi theo trực thăng đáp xuống thăm ông ở Đồi Phụng Vũ (Doanh Trại Trung Đoàn 52) sau khi ông vừa trở về từ chiến trường Cam Bốt. Ông mời bọn tôi uống rượu, khoe đây là loại rượu đặc biệt, hảo hạng, có tiền không mua được. Ông kể lại chuyện ông chỉ huy Chiến Đoàn 52, sang hành quân

“giải tỏa” Kampong Chàm. Thành phố sâm uất thứ nhì của Cam Bốt sau Nam Vang.

Khi chiến dịch kết thúc thắng lợi, ông được ông In Tam, thị trưởng (sau này có thời là Thủ Tướng của Cam Bốt) làm lễ đón tiếp ông long trọng như một vị anh hùng. Ông được mời vào dinh thết đãi, trước một đội vũ công toàn là những cô con gái đẹp. Ông thị trưởng In Tam bảo nhỏ, ông thích cô nào cứ chọn, ông nghiêm mặt lắc đầu. Ông thị trưởng cho cận vệ mang đến cho ông một xách Samsonite chứa đầy tiền. Ông bảo ông là một cấp chỉ huy của Quân đội VNCH thi hành nhiệm vụ, chứ không phải lính đánh thuê. Cuối cùng để làm vui lòng ông thị trưởng, ông theo xuống hầm rượu và lấy 6 chai rượu hảo hạng.

Ông kể lại rồi cười:

- Thấy gái đẹp và tiền từ trên trời rơi xuống thẳng nào chả ham, nhưng lỡ đã đóng vai anh hùng rồi mà đưa tay lấy thì còn ra thể thống gì!

Bọn tôi chọc ông, bảo là “Chef hơi quân tử tàu! Cứ xách cả hai thứ về đây thì bây giờ thầy trò mình lên hương và khảm khá rồi!” Ông vỗ đùi cười. Lúc này trông ông thấy hiền khô.

Ngày 23.2.1971 nghe tin Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn, chúng tôi chặc chấn Trung Tá Thịnh buồn lắm. Không biết ông có khóc và tiếc thương như lúc ông nghe tin Tướng Trương Quang Ân hy sinh gần ba năm trước?

Vào đầu tháng 4.1972, tôi nghe tin ông chỉ huy Chiến Đoàn 52 (-) chỉ có 2 tiểu đoàn và đại đội Trinh Sát, đã rất khôn khéo và dũng cảm điều động phản công một cuộc phục kích qui mô của hơn hai trung đoàn địch tại khu vực Cần Lê (15 cây số Bắc An Lộc). Một cuộc phản công đẫm máu kéo dài gần bốn ngày trên một tuyến phục kích dài hơn ba cây số, mà địch chiếm hoàn toàn ưu thế về cả quân số cũng như địa thế. Cuối cùng Chiến Đoàn của ông đã gây tổn thất nặng nề cho địch và vượt khỏi vòng vây. Vị Trung Tá Cố Vấn Mỹ, tuy bị thương, nhưng không chịu tử nạn, ở lại bên cạnh Trung

Tá Thịnh, cùng chiến đấu và yểm trợ hết mình. Trên nhiều báo chí, có bình luận về chiến công này và đã dành cho ông nhiều lời khen ngợi:

“Trung Tá Nguyễn Bá Thịnh, gốc Nhảy Dù, là cấp chỉ huy tài giỏi, biết linh hoạt ứng phó trong mọi hoàn cảnh và trạng huống, về kỹ thuật lãnh đạo chỉ huy, ông rất được lòng các cấp dưới quyền và toàn thể các Cố vấn Mỹ thật tình kính nể mến thương. Trung Tá Walter D. Ginger, Cố Vấn Trưởng, dù đã bị thương, nhưng từ chối tản thương, vẫn tình nguyện ở lại sống chết với Trung Tá Thịnh cùng đơn vị bạn đồng minh của mình.”

Tháng 6.1972 ông được đặc cách thăng cấp đại tá và sau đó một thời gian nhận lệnh chuyển về Trường Võ Bị Đà Lạt để làm Tham Mưu Trưởng. Đến cuối năm 1973, ông lại nhận lệnh chuyển về Trường Chỉ Huy Tham Mưu đảm trách chức vụ Trưởng Khôi Giám Sát Các Lớp. Khi ấy, trường vừa ổn định sau khi từ Đà Lạt chuyển về Long Bình để tiếp nhận một khu doanh trại rất khang trang của Quân Đội Hoa Kỳ giao lại.

Đầu năm 1974, nhân dịp theo học một khóa tham mưu tại Huân Khu Long Thành, tôi đến thăm ông, và bất ngờ gặp thêm một ông trung đoàn trưởng cũ khác nữa, Đại Tá Trần Quang Tiến. Hai ông ở chung trong một cái bunker (rất đẹp và đầy đủ phương tiện của một sĩ quan cao cấp Mỹ để lại). Ông nhất định tự tay làm cơm đãi tôi. Tôi ái ngại, xin phụ một tay, nhưng ông nghiêm mặt trợn mắt nhìn tôi:

- Mà y là khách của chúng tao. Chớ có lộn xộn.

Ông bảo Đại Tá Tiến nấu cơm và hái rau (do ông trồng), rồi rủ tôi mang cái vợt đi theo ông ra mấy trụ đèn điện phía trước để bắt con cà cuống. Ông bảo:

- Món này mà thiếu mấy giọt cà cuống là vớt đi!

Lúc nào cũng vậy, ông hãnh diện về cái tài nấu nướng còn hơn cả tài đánh giặc và chỉ huy đơn vị của ông.

Đúng là thức ăn ông nấu rất ngon, nhưng ngồi ăn với hai ông Thầy cũ tôi không thoải mái lắm. Nhớ tới ngày xưa, khi ông còn ở Trung Đoàn, mỗi lần được ông mời ăn cơm là bọn tôi cảm thấy như... hết đời!

Ông dặn tôi, cứ cuối tuần lại ở đây chơi với ông. Có hôm ông còn dắt tôi đến chào Tướng Phan Trọng Chinh, Chỉ Huy Trưởng. Đó cũng là lần duy nhất tôi được gặp vị Tướng nổi danh này. Cùng gốc Nhảy Dù, nên Tướng Chinh có vẻ rất thân thiện và quý mến ông.

Một thời gian, sau khi tôi rời khỏi Long Thành trở về đơn vị, thì ông cũng đi lãnh một trách nhiệm mới: Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp.

Năm 2003, nhân dịp từ Bắc Âu sang Cali thăm mấy đứa con đang theo học ở đây, tôi rủ vài thằng bạn cùng đơn vị cũ đến thăm ông. Ông vui lắm. Bây giờ tuổi đã khá cao, người ông trông càng nhỏ lại, nhưng tiếng nói vẫn đanh thép, đôi mắt vẫn sáng quắc, nhanh nhẹn như xưa. Và đặc biệt với phu nhân, ông vẫn tỏ ra uy quyền như lúc trước. Ông gọi bà từ nhà sau lên chào chúng tôi, rồi bảo:

- Bà xuống lo mấy cái mâm nhang đèn, chút nữa đi lễ chùa, để bọn tôi nói chuyện!

Vốn đã nghèo, sang Mỹ ông càng trắng tay. Dù khá lớn tuổi ông vẫn đi làm cho đến khi về hưu. Cũng như ngày xưa khi còn trong lính, bây giờ dù với những công việc rất tầm thường nhưng ông luôn vui vẻ và tận tụy làm tròn trách nhiệm. Với bất cứ ai ông cũng tỏ ra rất tư cách. Hầu hết đồng nghiệp trong sở nghe nói ngày xưa ông từng là đại tá chỉ huy một trung đoàn tác chiến, họ rất nể trọng.

Ông bảo bây giờ ông bà ăn chay. Ông còn mời chúng tôi ngày mai trở lại ông sẽ tự tay nấu mấy món chay đãi bọn tôi. Bọn tôi tin là ông nấu rất ngon, nhưng thấy tội nghiệp ông, nên tìm cách chối từ. Chia tay ông, lòng chúng tôi thấy thật buồn và có chút xót xa, thương cho một con người hiền gần cả một

đòi cho quân đội, tạo biết bao chiến công và bao lần sống chết với đất nước, để rồi về già vẫn phải vất vả với kiếp tha hương.

Không ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp ông. Ông qua đời sau đó vài tháng, ngày 16.05.2003.

Thời chỉ huy đơn vị chúng tôi, ông là một vị Trung Đoàn Trưởng tốt. Cương trực, liêm khiết, công minh, làm việc hết mình. Ông xem đơn vị như là nhà mình và đảm sĩ quan như là em út trong gia đình. Lâu lâu ông trợn mắt, hò hét la rầy, nhưng rất thương yêu và không hề phạt thuộc cấp. Điều đáng nhớ nhất, là ông để lại cho chúng tôi rất nhiều giai thoại, đề bây giờ, mỗi lần có dịp gặp nhau, nhớ tới ông bọn tôi thường kể lại như là những kỷ niệm vui, và cũng thật dễ thương của một thời binh nghiệp.

Nhớ hôm lễ nhậm chức, sau khi tự nhận binh nghiệp của mình đi lên từ cấp bậc “binh ba”, ông bảo:

- “Các anh nên hãnh diện đang có một người chỉ huy như thế!”

- Thưa vâng! Chúng tôi rất vui và cũng rất hãnh diện đã từng có một ông Thầy như thế.



VÕ BỊ MỘT NGÀY VÕ BỊ MỘT ĐỜI

Nguyễn Đức Thu, K16

Thế là đúng 50 năm qua đi kể từ mùa Thu năm 1971 khi tôi đến thăm Thủ Đô Hoa Kỳ sau lễ mãn khóa tu nghiệp Hải Quân. Nói đúng ra là chỉ 4 năm sau, năm 1975, tôi đã trở lại để nhận nơi này làm quê hương. Chắc hẳn phải có một lý do hay động lực nào đó đã ràng buộc tôi với nơi đây lâu dài như vậy, Trời lại bắt đầu sang Thu, mùa Thu năm 2021 tại Hoa Thịnh Đốn. Mùa Thu ở vùng Hoa Thịnh Đốn đẹp đẽ kiêu sa, đẹp rực rỡ đã lôi cuốn biết bao triệu người trên thế giới.

Nói như một du khách nào đó, đại khái là:

“...nếu bạn đã có một thời ngắm ngơ trước vẻ thơ mộng của con sông Avon ở Christchurch, England ngày nào, chắc bạn sẽ thích giòng sông Potomac. Giòng nước này chảy vòng quanh và xuyên qua Hoa Thịnh Đốn.

Phải ngồi trên du thuyền Odyssey lững lờ trên sông Potomac, tai nghe ban nhạc đại hòa tấu Washington hòa nhạc Mozart và Beethoven sống, mắt ngắm cảnh thành phố lúc chiều xuống, mới biết thế nào là thiên đàng hạ giới! Ở chỗ khác, nước sông chảy trũng mạnh xuống qua những tảng đá lớn thành những giòng thác hùng vĩ không khác gì những thác

nước nổi tiếng của Đà Lạt, ở cao nguyên Việt Nam.

Đà Lạt và Hoa Thịnh Đốn còn có chung một thứ đáng kể nữa là hoa anh đào. Lời bản nhạc ca ngợi Đà Lạt, “Ai lên xứ anh đào, đừng quên mang về một cành hoa...” có vẻ cũng thích hợp cho Hoa Thịnh Đốn vào tháng Tư mỗi năm.



Còn nếu bạn muốn ngồi uống cà phê, nhìn “dập dìu tài tử, giai nhân” ở hè đường vào chiều hay tối như ở Paris hay Sài Gòn, hãy đến khu Đại Học Georgetown, trung tâm sinh hoạt về đêm của Hoa Thịnh Đốn. Cuộc vui về đêm ở đây hấp dẫn đến độ một du khách, chỉ sau hai, ba lần đi chơi thử, đã khẩn gởi dọn luôn vào Georgetown ở, để tiện lợi thường trực tại chỗ, cả đêm lẫn ngày!

Thật đúng như vậy, Hoa Thịnh Đốn là Thủ Đô của Hoa Kỳ, được thành lập vào ngày 16 tháng 7 năm 1790, có tên là Washington, DC. Thành phố nằm rất thơ mộng bên bờ sông Potomac, có ranh giới với Tiểu Bang Virginia ở phía Tây Nam và Tiểu bang Maryland ở các phía còn lại. Washington DC là đô thành và là đô thị lớn thứ 8 tại Hoa Kỳ.

Từ tháng 6 năm 1975, một số rất nhỏ những người Việt tỵ nạn đến vùng Thủ Đô, trong đó có một vài CSVSQ và gia đình bắt đầu cuộc sống mới tại hai Tiểu bang Virginia và Maryland. Như các CSVSQ Đặng Sĩ (K7), Lê Văn Trang (K10), Trần

Dương (K10), Dương BìnhTuân (K11), Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Ngọc Thạch (K14), Nguyễn Công Hiến, Cao Chánh Cương (K15), Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyên, Trần Phát Đạt (K16), Nguyễn Nhật Tiến, Hoàng Trường Việt (K17), Trần Văn Thế (K19), Trương Văn Út (K22)... Sau đó, có nhiều Huynh Đệ khác tiếp tục đến định cư tại thủ phủ này.

Khó khăn lúc đầu rất lớn vì không có hệ thống truyền thông trên mạng. Muốn hội tụ anh em là cần phải có thời gian, có cơ hội gặp nhau để nhận diện nhau. Tuy nhiên, cuộc sống mới đầy gian truân và vất vả, khiến không ai nghĩ ngay đến chuyện này. Ngày 20 tháng 1 năm 1981, Thống Đốc Tiểu Bang California là ông Ronald Reagan, trở thành Tổng Thống Hoa Kỳ. Đây là cơ hội quý báu cho làn sóng tỵ nạn sau này được nhập cảnh Hoa Kỳ. Ưu tư đặc biệt của Tổng Thống Reagan và cũng là vị ân nhân của những tù nhân, đã giúp biết bao người trong các trại tù “cải tạo” được thở không khí tự do. Trong đó có rất nhiều Huynh Đệ của chúng ta...

Ngày 1 tháng 7 năm 1982, một viên chức Bộ Ngoại giao tuyên bố rằng:

- “Chính quyền Reagan đang làm việc với Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc để xác định xem Việt Nam có thực sự chuẩn bị thả những người bị giam cầm trong các trại “cải tạo” để họ đi định cư tại các nước tự do hay không?”

Đầu năm 1984, có tin vui chính thức là các cựu tù nhân chính trị có thể gửi đơn thẳng qua Tòa Đại Sứ Mỹ tại Thái Lan để được đoàn tụ hoặc xuất cảnh đến Hoa Kỳ. Đây quả thật là một nguồn tin làm phấn khởi mọi người tỵ nạn lúc đó. Mùa Xuân năm 1984, tôi đã đến nhà của một số Huynh Đệ để bàn luận là làm thế nào để có thể thành lập một Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN tại Hoa Thịnh Đốn và vùng phụ cận để giúp đỡ nhau, giúp các Huynh Đệ đến sau, và những Huynh Đệ còn trong các trại tù cải tạo của Cộng Sản.

Mặc dầu chúng tôi biết có một số CSVSQ sống trong vùng,

tuy nhiên việc tìm kiếm họ rất khó khăn. May mắn thay, mùa Hè năm 1984, tôi gặp CSVSQ Trần Toán Em (K17) và được Anh Chị Em hỗ trợ hết mình trong vấn đề tìm kiếm các CSVSQ. Sau đó có các CSVSQ Trần Khắc Thuyên (K16), Trần Văn Thế (K19), Lê Văn Trang (K10), Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Ngọc Thạch (K1)... Các Vị này cùng các phu nhân đã hết lòng khuyến khích tôi nên thành lập ngay Chi Hội Ái Hữu Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn và các tiểu bang phụ cận. Sở dĩ gọi là Chi Hội, vì lúc đó không có Tổng Hội mà chỉ có duy nhất một Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN tại hải ngoại do Niên Trưởng Lâm Quang Thi điều hành.

Trung Tâm Eden tại thành phố Falls Church, Virginia cạnh ranh giới Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn hồi đó chưa thành hình và có tên cũ là Plaza Seven Shopping Center, nằm ở Ngã Bảy (Seven Corners) đầu đại lộ Wilson Blvd. Trung tâm này đã bị người Mỹ bỏ phế. Đầu năm 1984 được một luật sư và tổ hợp thuê lại, 20 căn đang được sửa sang, trong đó họ đã dành một căn cho các Huynh Đệ của chúng ta dùng làm nơi họp mặt tạm thời.

Từ đó, vào mỗi đầu tháng, CSVSQ Lâm Duy Tiên K12, Nguyễn Đức Thu K16, Trần Khắc Thuyên K16, Trần Toán Em K17, Hoàng Trường Việt K17, Trần Văn Thế K19 và một số các Huynh Đệ khác thường đến gặp nhau tại đây. Sau này, từng ngày, từng tuần, từng tháng, chúng tôi cũng đã dần dần tìm lại được các anh em “thất lạc”, hay mới đến định cư từ các trại tỵ nạn. Việc âm thực thường được các phu nhân cung cấp. Càng ngày càng có nhiều CSVSQ tham dự.

Mùa Xuân năm 1985, hầu hết các Huynh Đệ đã đến với nhau, không những chỉ để đón Xuân, nhưng để làm hai việc quan trọng:

- Bầu vị chi hội trưởng đầu tiên của Chi Hội Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. CSVSQ Lâm Duy Tiên (K12) do CSVSQ Nguyễn Đức Thu K16 đề cử và được đại đa số đồng ý. Các CSVSQ

Nguyễn Đức Thu đảm nhiệm chức vụ Tổng Thư Ký, Trần Văn Thế K19, Trưởng Ban Truyền Thông & Báo Chí. Chỉ trong vòng một tháng sau, bản tin Tự Thắng được ra đời, được phổ biến rộng rãi trên toàn quốc và các trại tỵ nạn. Vì thế đã có rất nhiều Huynh Đệ mới nhập vùng tìm đến. Mỗi CSVSQ mới đến đều được đón tiếp nhiệt tình với chút quà bằng hiện kim do những Huynh Đệ hội viên tình nguyện đóng góp. Những buổi tiệc mừng đón này, thường được tổ chức tại tư gia của NT Lâm Duy Tiên, tân Chi Hội Trưởng.

- Tham dự Lễ Thượng Quốc Kỳ VNCH lần đầu tiên tại Trung Tâm Người Việt EDEN CENTER, danh xưng mới thay thế tên cũ Plaza Seven Shopping Center. Từ đó Quốc Kỳ VNCH được tung bay ngày đêm trên bầu trời Falls Church, Virginia.

Năm 1986, Ban Chấp Hành Chi Hội (CSVSQ Lâm Duy Tiên, Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyên, Hoàng Trường Việt) đã đến tham dự Đại Hội Hội Ái hữu CSVSQ/ TVBQGVN toàn quốc tại Bắc California. Đại hội quyết định nâng Hội Ái Hữu lên hàng Tổng Hội, do NT Bùi Đình Đạm điều hành của, thay thế NT Lâm Quang Thi, với danh xưng mới: Chủ Tịch Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN. Chi Hội Ái Hữu Hoa Thịnh Đón cũng được đổi danh là Hội CSVSQ/ TVBQGVN Hoa Thịnh Đón & Phụ Cận.

Trong giai đoạn phôi thai 2 năm đầu, Hội chỉ có khả năng sinh hoạt như là một hội ái hữu. Nhưng đầu năm 1987, Hội bắt đầu hỗ trợ những công việc đúng và khẩn thiết cho các hội đoàn bạn, như Nghị Hội Người Việt, Hội Nhân Quyền cho Việt Nam, Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị và một số hội đoàn Quân Bình Chung mới thành lập.

Ngày 30 tháng tư năm 1987, Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/ TVBQGVN HTĐ đã đến tham dự một buổi tiếp tân rất quan trọng tại phòng khánh tiết của Thượng Viện Hoa Kỳ tại điện Capitol, Washington DC. Bồi tiếp tân này nhằm xúc tiến dự

luật do Bộ Ngoại Giao của Tổng Thống Reagan, đề nghị từ năm 1982, yêu cầu Quốc hội chấp thuận cho tất cả cựu tù nhân “cải tạo” đến Hoa Kỳ định cư (khoảng trên 100,000 người).

Các thượng nghị sĩ và dân biểu của Lưỡng Viện Hoa Kỳ tham dự rất đông. Thành phần người Việt chỉ gồm các đại diện các hội đoàn. Ông Nguyễn Ngọc Bích trong vai trò MC, bà Khúc Minh Thơ, Trưởng Ban Tiếp Tân. Phái đoàn của Chi hội CSVSQ/ TVBQGVN gồm có: CSVSQ Lâm Duy Tiên (K12), Nguyễn Đức Thu, Trần Khắc Thuyền (K16), Trần Văn Thế (K19) và các phu nhân. Các phu nhân Võ Bị trong đồng phục áo dài vàng đã làm cho buổi tiếp tân thêm phần đẹp mắt và trang trọng. Thượng Nghị Sĩ Edward Kennedy và TNS Bob Dole là hai ứng cử viên Tổng Thống sáng giá của hai đảng Cộng Hòa & Dân Chủ hồi đó, cũng đã đến tham dự từ đầu.

Trong phần mạn đàm, CSVSQ Nguyễn Đức Thu cũng đã hỏi TNS Kennedy có xem bản tin năm 1984 của các phóng viên Đài Truyền Hình Hoa Kỳ, phỏng vấn một cựu sĩ quan (CSVSQ Lê Hữu Cương, K16, cựu Quận Trưởng Quận Củ Chi). CSVSQ Lê Hữu Cương là người tù độc cước trong trại giam Z30D Hàm Tân. Ông đã trả lời toàn bộ cuộc phỏng vấn bằng tiếng Anh, yêu cầu Tổng thống Reagan can thiệp, giải thoát và trả tự do cho các tù nhân trong các trại tù “cải tạo”. Không lường lự, Thượng Nghị Sĩ Kennedy mỉm cười gật đầu. Trước khi bắt tay từ giã, ông đã nói như một lời hứa hẹn:

- I'll do my best. (Tôi sẽ làm những gì tốt đẹp nhất.)

Như một sự tình cờ, nghị quyết S.RES.205 đã ra đời vào đầu tháng 5, 1987. Title: “A resolution calling for the release of political prisoners by the Government of Vietnam.” Nghị quyết này được 6 thượng nghị sĩ bảo trợ trong đó có các Thượng Nghị Sĩ Bob Dole và Edward Kennedy. Ba tuần sau đó, ngày 26 tháng 5 năm 1987, một nghị quyết tương tự khác mang số H.RES.212 do Dân Biểu Bob Dornan và 58 dân biểu khác bảo trợ. Title: “Resolution concerning the release of political

prisoners by the Government of Vietnam” cũng được đệ nạp đến lưỡng viện Quốc Hội.

Trong thời gian này, đã có rất nhiều các Huynh Đệ đến với Hội, từ Khóa 2 đến Khóa 30. Cũng có các niên trưởng cao niên, đã thường xuyên tham dự với Hội như các NT Võ Đại Khôi, Lữ Lan K3. Sau này có NT Huỳnh Văn Cao K2. Đặc biệt các NT Lữ Lan, Nguyễn Văn Y (K3), Đặng Sĩ (K7) và các phu nhân hầu như ít khi vắng mặt trong những sinh hoạt của Hội.

Các NT trên, cũng như NT Lâm Duy Tiên (K12) thực sự đã đem lại cho anh em hình ảnh gương mẫu và tình Huynh Đệ, sự tương kính và rất đoàn kết. Ngoài ra còn có sự khuyến khích và tham dự của các NT Trần Đình Thọ (K6), Phạm Ngọc Thiệp (K7), Trương Như Phùng, Đào Mộng Xuân (K8), Chu Xuân Viên, Trần Dương (K10), Dương Bình Tuân (K11), Nguyễn Ngọc Thạch, Lê Văn Trọng, Tôn Thất Hoàng (K14), Cao Chánh Cương, Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thành Khiết, Nguyễn Công Hiến, Cao Văn Kiêm, Trương Đình Quý (K15).

Kể từ K16 về sau, đã có những Huynh Đệ đến sinh hoạt với Hội.

K16 gồm Trần Ngọc Toàn, Phạm Kim Đan, Trần Phát Đạt, Nguyễn Hưng, Trần Châu Rết, Hồ Trang, Trần Khắc Thuyên, Lê Văn Ánh, Hoàng Văn Chung, Nguyễn Thanh Xuân, sau này có thêm Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Xuân Thắng, Trần Ngọc Lượng, Nguyễn Thiệu.

Khóa 17 gồm Huỳnh Châu Báo, Trần Toán Em, Ngô Nhơn, Nguyễn Văn Thịnh, Trần Văn Thuận, Nguyễn Nhật Tiến, Hoàng Trường Việt.

Khóa 18 gồm Trần Văn Cẩn, Nguyễn Chánh Dật, Trần Ngọc Huế, Nguyễn Thanh Liên, Lại Đình Đán từ Lancaster, Pennsylvania.

Khóa 19 gồm Tôn Thất Ban, Trần Thanh Huyền, Phạm Như Đalac, Trần Thiện Đấu, Phạm Đình Long, Nguyễn Văn

Tâm, Trần Văn Thế, Cao Văn Tinh.

Khóa 20 gồm Nguyễn Gia Hân, Phạm Văn Mai, Võ Nhân.

Khóa 21 gồm Trần Quang Duật, Nguyễn Ngọc Tùng.

Khóa 22 gồm Trương Văn Út (Út Bạch Lan), Quách Vĩnh Hòa, Nguyễn Như Lâm, Trương Văn Minh, Mai Vĩnh Phú, Trần Văn Tâm, Đỗ Đức Thắng, Nguyễn Đình Thọ.

Khóa 23 gồm Nguyễn Văn Thế, sau này có Nguyễn Tiến Việt.

Khóa 24 gồm Vũ Xuân Đức, Cao Minh Tâm, Nguyễn Trọng Tường.

Khóa 25 gồm Nguyễn Huỳnh Kinh, Lưu Đức Tờ, Trần Ngọc Tý.

Khóa 26 gồm Huỳnh Bá Long, Huỳnh Văn Tốt.

Khóa 28 gồm Nguyễn Văn A, Trần Văn Lý, sau này có Trần Lượng.

Khóa 29 gồm Nguyễn Duy Hoàng.

Khóa 30 gồm Trần Ngọc Lạc, sau này có thêm Nguyễn Minh Ngọc...

Điều hành hội trong 9 năm, NT Lâm Duy Tiên tuyệt đối và hầu như không để bất cứ điều gì có thể gây ra tranh cãi nhau. Thái độ tương kính rất truyền thống giữa các Niên trưởng và “Đàn Em” các khóa hầu như là điều kiện tiên quyết trong mọi sinh hoạt. Chính cái Truyền Thống cao đẹp này của Trường Mẹ và hào quang của những Anh Hùng xuất thân từ TVBQGVN, đã tạo nên lòng ngưỡng mộ và kính trọng của biết bao nhiêu người trong Cộng Đồng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn, vào lúc đó.

Ngày 2 tháng 7 năm 1989, Hội trên đà lớn mạnh, đã đứng ra tổ chức Đại Hội Thường Niên tại Thủ Đô, với sự tham dự của trên 100 CSVSQ, đại diện 8 hội địa phương và 21 khóa trên toàn quốc.

Đại hội đã diễn ra trong một bầu không khí rất truyền thống

Huynh Đệ, hào hứng và nhiều lúc thật cảm động, vì sự đóng góp nhiệt tình của một số CSVSQ mới tới định cư tại vùng đất tự do tham dự đại hội lần đầu.

Dưới sự chủ tọa của NT Bùi Đình Đạm, Đại Hội đã biểu quyết chấp thuận mục tiêu thứ tư, hoàn toàn phù hợp với đường lối sinh hoạt chính của Hội CSVSQ Thủ Đô từ năm 1987:

“Tích cực tham gia vào việc vận động định cư cho đồng bào tại các trại tạm cư Đông Nam Á và bè bạn, còn bị giam cầm cũng như đã được trả tự do ở quê nhà.”



Đêm Lâm Viên 2019 - Hội Võ Bị Washington DC và Phụ Cận.

Lại như một sự tình cờ, vào cuối tháng 7 năm 1989, Chính Phủ Hoa Kỳ và Cộng Sản Việt Nam đã ký một thỏa hiệp để trên 3000 tù nhân “cải tạo” và gia đình sẽ được rời Việt Nam đến định cư tại Hoa Kỳ trước cuối năm 1989. Trong số 3000 nói trên, có rất nhiều Huynh Đệ của chúng ta. Sau đó hàng loạt tù nhân được thả và đa số đã đến định cư tại Hoa Kỳ.

Cũng trong năm này, để có sự tiếp tay mừng đón các Huynh Đệ nhập vùng, CSVSQ Nguyễn Đức Thu đã “tái định cư” được CSVSQ Hồ Trang (K16) từ Baltimore, Maryland đến Falls Church, Virginia. CSVSQ Hồ Trang và một số Huynh Đệ tình nguyện, đã làm việc hầu như không ngừng nghỉ ngoài giờ để giúp đỡ, cố vấn, chuyên chở, tìm việc cho các anh em

mới đến, cho đến ngày ông vĩnh viễn từ giã cõi đời. Ông đã để lại biết bao thương tiếc trong tâm hồn của mọi người.

Cũng trong thời gian này, đã có nhiều buổi văn nghệ bỏ túi tại nhiều nơi khác nhau để giúp anh em tạm quên những nỗi lo buồn do các Huynh Đệ Hoàng Trường Việt (K17), Trương Văn Út (Út Bạch Lan, K22) và một số phu nhân tình nguyện tổ chức, trong đó chúng ta không thể quên được tiếng hát trầm, tình tự của chị Nguyễn Gia Hân K20, của lính dù Út Bạch Lan qua những tình khúc quê hương, đời lính đã làm âm lòng biết bao nhiêu CSVSQ vừa mới định cư.

Đã đến lúc phải vinh danh các Huynh Đệ đã bỏ mình vì Tổ Quốc, vinh danh Trường Mẹ với những ký ức buồn vui một thời, và để cho mọi người trong cộng đồng Thủ Đô hiểu rõ hơn về TVBQGVN. Một “Đêm Truyền Thống” đã được tổ chức trọng thể tại Trường Luật Khoa, Đại Học George Mason, Virginia vào ngày 16 tháng 11 năm 1991. Hầu hết các cựu Tướng Lãnh Hải Lục Không Quân, các Huynh Đệ thuộc 30 Khóa tại Thủ Đô và các tiểu bang phụ cận và gần 1000 quan khách đến tham dự.

Có thể nói đây là Đêm Truyền Thống đầu tiên với số người tham dự lớn nhất Hoa Thịnh Đốn. Niên Trưởng Trung Tướng Lữ Lan (K3) đã chủ tọa buổi lễ đặc biệt này.

Ban Tổ Chức bao gồm các CSVSQ Lâm Duy Tiên, Trương Ban Tổ Thức; Nguyễn Đức Thu, Điều Hành Tổng Quát; Hoàng Trường Việt, Trưởng Ban Văn Nghệ; Trần Văn Thế, Điều Khiển Chương Trình. Rất đông các phu nhân Võ Bị trong đồng phục áo dài vàng. Các ca sĩ đến từ nhiều thành phố lớn Miền Đông Hoa Kỳ.

Đặc biệt có sự đóng góp của nữ ca sĩ một thời nổi tiếng Thái Ninh Virginia, nữ ca sĩ của “Nhân quyền và tự do cho quê hương” Nguyệt Ánh, ái nữ của CSVSQ Nguyễn Văn Y (K3) cùng các bạn hữu. Đặc biệt có sự xuất hiện xuất hiện lần đầu của cô Lữ Anh Thư, thuộc thế hệ thứ hai, ái nữ của NT

Lữ Lan. Sau này cô đã trở thành một trong những người tiên phong trong chiến dịch dựng lại ngọn Cờ Vàng và một thời, là người đầu tàu của Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Đêm Truyền Thống TVBQGVN với nghi lễ chào cờ trang trọng, chưa từng thấy ở Thủ Đô, đã làm cho biết bao người rơi lệ. Tiếp theo lời chào mừng của NT Lâm Duy Tiên là CSVSQ Nguyễn Đức Thu đọc bài Tiểu Sử của TVBQGVN. Hầu như đây lần đầu tiên, đa số quan khách Thủ Đô được nghe về lịch sử của Ngôi Trường này, ngôi trường duy nhất Đông Nam Á, đào tạo Sĩ Quan Hải, Lục, Không Quân hiện dịch cho Quân Lực VNCH trước năm 1975.

Ngôi trường một thời nổi tiếng về *Truyền Thống Huynh Đệ, phương pháp huấn luyện, lãnh đạo chỉ huy, tinh thần sẵn sàng phục vụ và hy sinh cho Tổ Quốc.*

Bài tiểu sử cũng vinh danh một số những anh hùng của những anh hùng xuất thân từ Trường VBQGVN trong suốt cuộc chiến và sau này trong những trại lao tù. Từ đầu cho đến cuối, cử tọa gần 1000 người đã im lặng, hoàn toàn im lặng lắng nghe cho đến khi một tràng pháo tay nổi lên, thật lớn, thật lâu, có lẽ để thay lời cảm ơn và sự ngưỡng mộ.

Tiếp theo là những bản hùng ca do các phu nhân và các CSVSQ. Một số, trong những quân phục Hải Quân, Không Quân, TQLC, Nhảy Dù, Biệt Động Quân..., cùng hợp ca đã tạo nên những tràng pháo tay không dứt. Phần trình diễn của Nguyệt Ánh đã làm rung động trái tim người nghe khiến tất cả cùng đứng dậy và cùng hát theo cô. Những hoạt cảnh kế tiếp dưới sự đạo diễn của CSVSQ Hoàng Trường Việt (K17), những bài ca, tiếng nhạc và kết thúc bằng hoạt cảnh “Cờ Bay” đẹp và hùng tráng như chưa từng thấy đã làm mọi người cùng đứng lên, cùng thấy khắp hội trường, cờ vàng tung bay trên bức phong “Cờ Thành Quảng Trị”.

Đêm Truyền Thống đầu tiên tại Thủ Đô đã để lại tiếng vang rộng lớn khắp Vùng Thủ Đô và đã đem lại lòng hãnh diện cho

những người con xuất thân từ Trường Mẹ. Mỗi hai năm, Đêm Truyền Thống được tiếp tục, sau này đổi tên là Đêm Lâm Viên và được tổ chức hàng năm.

Thời gian cứ âm thầm trôi nhanh, những mùa Thu cũng qua mau không đợi không chờ. Một số CSVSQ đã rời Thủ Đô để định cư tại các tiểu bang khác. Một số CSVSQ đã vĩnh viễn ra đi, để lại bao nhiêu thương tiếc cho mọi người. Đời người của chúng ta cũng như lá vàng mùa Thu, một sáng một chiều nào đó cũng sẽ rơi rụng. Có những chiếc tan biến theo lòng đất, có những chiếc quện vào nhau trên rừng chiều thay lá đẹp muôn màu. Có những chiếc tạo nên âm thanh xào xạc dưới chân nai vàng ngơ ngác. Cũng có những chiếc lá vàng bay la đà rồi trôi lững lờ trên hồ Thu xanh đẹp, để cho người đời đưa vào thơ văn lãng mạn, vào nhạc tình ngàn đời không quên.

Một lần nữa mùa Thu đang đến. Hôm nay tôi trở lại hồ Tidal Basin Hoa Thịnh Đốn trên dòng sông Potomac này. Tự nhiên những ký ức đẹp của những mùa Thu trong những năm tháng theo học tại Trường Võ Bị lại hiện về. Nơi này và Hồ Xuân Hương Đà Lạt đều có vẻ đẹp mơ màng và thơ mộng giống nhau. Cảnh vật hầu như không thay đổi nhiều, nhưng thời gian thì thật sự đã đổi thay và tuổi già không đợi mà cứ đến.

Dù thời gian có làm chúng ta thật sự đổi thay thì lời thề non hẹn biển năm nao vẫn sẽ theo chúng ta mãi mãi.

“Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm.”

Hôm nay thử hỏi chúng ta còn lại được gì ngoài tình gia đình, tình thân hữu và may mắn thay, vẫn còn lại chút tình Huynh Đệ Võ Bị.

Với tôi, Võ Bị một ngày, vẫn là Võ Bị một đời.

Hoa Thịnh Đốn, sắp vào Thu 2021